

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
 - Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund: Quỹ ETF KIM Growth VNDIAMOND/ KIM Growth VNDIAMOND ETF*
 - Mã chứng khoán/ *Securities code: FUEKIVND*
 - Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807 – 1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Room 1807 – 1808, Floor 18, mPlaza Saigon, 39 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.
 - Điện thoại/ *Phone number: (028) 3824 2220* Fax: (028) 3824 2225
 - Email: etf@koreainvestment.com.vn Website: <https://koreainvestment.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo Tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2024.**
Content of information disclosure: Report on Fund management activities for the year 2024.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 28/03/2025 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>
This information was disclosed on Fund Management Company's portal on March 28, 2025, available at: <https://koreainvestment.com.vn/en/home/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

Báo cáo Tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2024/ *Report on Fund management activities for the year 2024*

Đại diện công bố thông tin/

Representative to disclose information



YUN HANG JIN

Tổng Giám đốc/ General Director

Phụ lục XXV

MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
BÁN NIÊN, NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
KIM VIỆT NAM
Số: 20250319/FM/FUEKIVND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ
Năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ:

a. Tên của quỹ : Quỹ ETF KIM Growth VNDIAMOND

Loại hình quỹ : Quỹ hoán đổi danh mục

b. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VNDIAMOND sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VNDIAMOND là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

c. Thời hạn hoạt động của Quỹ: không giới hạn

d. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Danh mục chỉ số VNDIAMOND

Mã cổ phiếu và tỷ trọng của FUEKIVND tại ngày 31/12/2024 như sau:

| Mã cổ phiếu | Tỷ trọng (%) | Mã cổ phiếu | Tỷ trọng (%) | Mã cổ phiếu | Tỷ trọng (%) |
|-------------|--------------|-------------|--------------|-------------|--------------|
| ACB | 7.76% | MBB | 5.31% | TCB | 1.56% |
| BMP | 0.26% | MSB | 1.99% | TPB | 1.97% |
| CTG | 1.54% | MWG | 3.34% | VIB | 3.66% |
| FPT | 19.02% | NLG | 1.29% | VPB | 3.66% |
| GMD | 13.92% | OCB | 13.53% | VRE | 2.78% |
| HDB | 4.10% | PNJ | 7.05% | | |
| KDH | 2.65% | REE | 7.85% | | |

e. Chính sách phân chia lợi nhuận:

- Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

+ Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ;

+ Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);

- + Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- + Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được ủy quyền).
- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng Chỉ Quỹ.
- Nhà Đầu Tư có trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ cho việc phân phối lợi tức (“Ngày Chốt Danh Sách”) được coi là đủ điều kiện để nhận lợi tức. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi tức.

f. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

| | |
|---|---------------|
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày thành lập (05.03.2024) | 5.100.000 ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ | 3.400.000 ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ | 0 ccq |
| Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2024 | 8.500.000 ccq |

- g. Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ trong kỳ báo cáo: Trong kỳ báo cáo, không có thay đổi.
- h. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư năm tài chính 2023 của Quỹ ETF KIM Growth VNDIAMOND ngày 26/04/2024 đã thông qua:
 - Việc ủy quyền cho Ban Đại Diện lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 cho Quỹ trong danh sách các công ty kiểm toán do Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam (“Công Ty”) đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn tại Điều Lệ Quỹ, thuộc nhóm 04 công ty kiểm toán lớn nhất thế giới đang hoạt động tại Việt Nam.
- i. Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ:

- a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12/2024 (quỹ thành lập ngày 05/03/2024 nên không có thông tin và giá trị của 3 năm gần nhất), cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại tài sản tại ngày 31/12/2024:
- + Danh mục đầu tư phân bổ theo ngành như sau:

| Ngành | 31/12/2024 |
|---------------------|----------------|
| Tài chính | 38.75% |
| Tiêu dùng thiết yếu | 22.61% |
| Công nghiệp | 14.45% |
| Bất động sản | 7.96% |
| Công nghệ thông tin | 16.26% |
| Cộng | 100,00% |

- + Danh mục đầu tư được phân bổ theo loại tài sản như sau:

| Cơ cấu tài sản quỹ | 31/12/2024 |
|--------------------|----------------|
| Danh mục cổ phiếu | 99,59% |
| Tài sản khác | 0,00% |
| Tiền | 0,41% |
| Cộng | 100,00% |

- Giá trị tài sản ròng, tỷ lệ chi phí hoạt động và tốc độ vòng quay danh mục của quỹ :

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 |
|--|-----------------|
| Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 106.810.124.145 |
| Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 8.500.000 |
| Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND) | 12.565,89 |
| Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 12.710,36 |
| Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 10.837,78 |
| Tỷ lệ chi phí/ Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%) | 0,59% |
| Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 58,20% |

- Tổng lợi nhuận của quỹ trong kỳ báo cáo:

| STT | Chỉ tiêu | Số liệu (VNĐ) |
|-----|---|-----------------------|
| 1 | Lợi nhuận/ (lỗ) thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) | 10.774.821.494 |
| 2 | Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất tiền gửi) | 1.545.054.201 |
| 3 | Lợi nhuận/(lỗ) thu được phát sinh từ hoạt động đầu tư | 2.543.353.941 |
| 4 | Tổng chi phí | 1.538.489.538 |
| | Tổng lợi nhuận của quỹ | 65.709.178.663 |

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ: Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ báo cáo.
- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: không có.

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

- Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

| | |
|---------------------------------|---------------|
| Trong thời hạn 12 tháng (1 năm) | 9,59% |
| Trong thời hạn 36 tháng (3 năm) | Không áp dụng |
| Trong thời hạn 60 tháng (5 năm) | Không áp dụng |

c. Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: không có.
- d. Kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

- Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có.
- Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư:

Trong năm 2024, quỹ đã theo đuổi chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của chỉ số tham chiếu VNDIAMOND (là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng) và không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn chỉ số tham chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, mức độ sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) của quỹ là 0,61% thấp hơn so với quy định của HOSE.

- So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



- d. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo:
- Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu.
 - Khi danh mục trên có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản.
 - Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.
- e. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

| Ngành | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|---------------------|----------------|------------|
| Tài chính | 38.75% | - |
| Tiêu dùng thiết yếu | 22.61% | - |
| Công nghiệp | 14.45% | - |
| Bất động sản | 7.96% | - |
| Công nghệ thông tin | 16.26% | - |
| Tổng | 100,00% | - |

- f. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất:

| Giá trị tài sản ròng (VND) | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|---------------------------------|-----------------|------------|
| 1. Của quỹ ETF | 106.810.124.145 | Không có |
| 2. Của một lô chứng chỉ quỹ ETF | 1,256,589,695 | Không có |
| 3. Của một chứng chỉ quỹ ETF | 12,565.89 | Không có |

Giá trị của một chứng chỉ quỹ ETF ngày 31/12/2024 tăng 23,51% so với thời điểm báo cáo gần nhất là ngày 31/12/2023 trong đó chỉ số VNDIAMOND tăng 24,33% so với thời điểm 31/12/2023

- g. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ và ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ:

Trong kỳ báo cáo, không có phát sinh.

- h. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có
- i. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có):

Không có dữ liệu do quỹ giao dịch vừa sơ cấp vừa thứ cấp.

j. Các thông tin khác: không có

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau:

- a. Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có):
- b. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát. Việc lưu ký tài sản của quỹ:
 - Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.
- c. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:
 - Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
 - Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ không có phát sinh hợp đồng vay và cho vay.
- d. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.
- e. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch:
 - Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ phát hành bổ sung 1 lô, mua lại 36 lô
- f. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ:
 - Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

| Chỉ tiêu | Tỷ lệ so với lợi nhuận/(lỗ) | Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động | Tỷ lệ so với thu nhập |
|--------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ | 1,24% | 10,02% | 10,68% |
| Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 0,34% | 2,75% | 2,93% |

- b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Chi làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (VNĐ) |
|-----|--------------------------------------|--------------------|
| 1 | Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ | 165.000.000 |
| 2 | Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 45.283.334 |
| | Tổng cộng | 210.283.334 |

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Tốt.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



YUN HANG JIN



Appendix XXV

**FORM OF SUMMARY REPORT ON MANAGEMENT ACTIVITIES OF FUNDS/SECURITIES
INVESTMENT COMPANIES SEMI-ANNUALLY AND ANNUALLY**

(Promulgated together with Circular No. 98/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**KIM VIETNAM FUND
MANAGEMENT CO., LTD**
Number: 20250319/FM/FUEKIVND

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Ho Chi Minh City, March 28, 2025

**SUMMARY REPORT ON FUND MANAGEMENT ACTIVITIES
In 2024**

To: The State Securities Commission

1. Information about the fund:

a. Name of the fund: KIM Growth VNDIAMOND ETF

Fund Type: Exchange Traded Fund

b. Investment objectives of the fund:

The Fund's investment objective is to simulate as closely as possible the performance of the VNDIAMOND Index after deducting the Fund's expenses. The VNDIAMOND Index is a price index developed and managed by the Ho Chi Minh City Stock Exchange.

c. Term of operation of the Fund: unlimited

d. Benchmark portfolio: VNDIAMOND index portfolio

The stock code and proportion of FUEKIVND as of 31/12/2024 are as follows:

| Ticker | Proportion (%) | Ticker | Proportion (%) | Ticker | Proportion (%) |
|---------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|-----------------------|
| ACB | 7.76% | MBB | 5.31% | TCB | 1.56% |
| BMP | 0.26% | MSB | 1.99% | TPB | 1.97% |
| CTG | 1.54% | MWG | 3.34% | VIB | 3.66% |
| FPT | 19.02% | NLG | 1.29% | VPB | 3.66% |
| GMD | 13.92% | OCB | 13.53% | VRE | 2.78% |
| HDB | 4.10% | NPCs | 7.05% | | |
| KDH | 2.65% | REE | 7.85% | | |

e. Profit distribution policy:

- The payment of income from the security fund is based on the following principles:
 - + In accordance with the profit distribution policy specified in the Fund's Charter;



- + To be performed after the Fund has fulfilled its tax obligations and other financial obligations as prescribed by law and fully set aside the funds specified in the Fund Charter (if any);
 - + After payment, the Fund must still ensure that there is a capital source to fully pay debts and other property obligations due and ensure that the net asset value is not less than fifty (50) billion VND;
 - + In case of distribution of profits by fund certificates, the fund must have sufficient reciprocal capital from undistributed after-tax profits based on the latest audited or reviewed financial statements.
- The distribution of the Fund's profits to Investors will be proposed by the Fund Management Company on the basis of audited financial statements confirming that there are sufficient profits for distribution and approved by the General Meeting of Investors or the Fund's Representative Board (if authorized).
 - The form of profit distribution can be in cash or in fund certificates.
 - Investors included in the List of Investors at the Trading Date announced by the Fund Management Company for the distribution of profits ("List Closing Date") are deemed eligible to receive the distributed profits. In case the Investor has transferred the Fund Certificates during the period between the Listing Closing Date and the time of payment, the transferor is the recipient of the profit.
- f. Outstanding fund units:

| | |
|---|-----------------------------|
| Total number of fund certificates at the date of establishment (05/03/2024) | 5.100.000 Fund certificates |
| Total number of additional securities issued in the period | 3.400.000 Fund certificates |
| Total number of repurchased funds in the period | 0 Fund certificates |
| Total number of Fund certificates as of 31/12/2024 | 8.500.000 Fund certificates |

- g. Changes in the fund's charter in the reporting period: No changes.
- h. Contents of the Resolution of the General Meeting of Investors in the reporting period: The Resolution of the General Meeting of Investors for the fiscal year 2023 of KIM Growth VNDIAMOND ETF on April 26, 2024 was approved:
- The authorization of the Representative Board to select and decide on the audit organization to audit the 2024 financial statements for the Fund in the list of auditing companies proposed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd. (the "Company"), meeting the standards in the Fund's Charter, belonging to the group of 04 largest auditing firms in the world operating in Vietnam.
- i. Comments of the supervisory bank on the contents specified in the Circular guiding the operation and management of securities investment funds: See details in Section 4. Report on the supervisory bank's supervisory activities.

2. Report on the fund's operating results:

- a. Information about the fund's portfolio and net asset value as of 31/12/2024 (the fund was established on 05/03/2024, so there is no information and value of the last 3 years), specifically:

- The fund's investment portfolio is distributed by sector, area and asset type as of December 31, 2024:

+ The investment portfolio allocated by sector is as follows:

| Sector | 31/12/2024 |
|------------------------|----------------|
| Finance | 38.75% |
| Consumer Staples | 22.61% |
| Industry | 14.45% |
| Real Estate | 7.96% |
| Information Technology | 16.26% |
| Total | 100,00% |

+ The investment portfolio is allocated by asset type as follows:

| Fund Asset Structure | 31/12/2024 |
|----------------------|----------------|
| Stock Portfolio | 99,59% |
| Other assets | 0,00% |
| Cash | 0,41% |
| Total | 100,00% |

- Net asset value, operating expense ratio and portfolio turnover rate of the fund:

| Indicator | 31/12/2024 |
|---|-----------------|
| Net Asset Value of the Fund (VND) | 106.810.124.145 |
| Total number of outstanding fund certificates (Fund certificates) | 8.500.000 |
| Net Asset Value of One Unit of Fund Certificates (VND) | 12.565,89 |
| Highest of NAV per units during the year (VND) | 12.710,36 |
| Lowest of NAV per units during the year (VND) | 10.837,78 |
| Average Expenses/Average NAV during the year (%) | 0,59% |
| Portfolio turnover rate (%) | 58,20% |

- Total profit of the fund in the reporting period:

| No. | Indicator | Amount (VND) |
|-----|--|-----------------------|
| 1 | Profit/ (loss) gained from the growth of the stock price (value of capital gain) | 10.774.821.494 |
| 2 | Profits earned from securities yields (dividends, certificates of deposit, interest on deposits) | 1.545.054.201 |
| 3 | Profit/(loss) gained from investment activities | 2.543.353.941 |
| 4 | Total cost | 1.538.489.538 |
| | Total Profit of the Fund | 65.709.178.663 |

- Profits distributed per unit of the fund: The fund does not distribute profits in the reporting period.
- Information on loans, postpaid payment items of securities investment companies (if any), repo/reverse repo transactions: none.

b. Profit indicators of the fund:

- The total annual average profit of the fund incurred in the reporting period determines:

| | |
|--------------------------------|----------------|
| Over 12-month period (1 year) | 9,59% |
| Over 36-month period (3 years) | Not applicable |
| Over 60-month period (5 years) | Not applicable |

c. Other comparative indicators, ensuring compliance with the following principles:

- The methods and principles for determining the value of assets and profits are consistent, have been announced and appraised by another independent organization: the principles for determining the value of the Fund's assets are specified in detail in the Fund's Charter and the Fund's valuation manual.
- Data provided by an independent organization: none.

d. The fund's previous performance is for reference only and does not mean that the investment will ensure profitability for investors.

3. Report on asset management activities of the fund management company

The report on asset management activities of the fund management company must include the following contents:

- a. Explanation of the change of the fund management company (if any): none.
- b. Explanation of whether the fund has achieved its investment objectives:

In 2024, the fund has pursued a passive investment strategy with the goal of closely following the return ratio of the VNDIAMOND reference index (a price index developed by the Ho Chi Minh City Stock Exchange) and not actively seeking growth higher than the reference index. as well as not using defensive measures when the stock market fluctuates unfavorably.

As of December 31, 2024, the tracking error of the fund is 0.61% lower than the regulation of HOSE.

- c. Comparison of the fund's profit results with the profit results of the reference portfolio and base indices published in the prospectus in the same reporting period (graphically):



- d. Description of investment strategies and tactics that the fund has used in the reporting period:
- The Fund uses a passive investment strategy with the goal of closely following the return ratio of the Reference Index by investing in the Structured Securities Portfolio of the Reference Index.
 - When there is a change in the above list, the Fund will adjust the Fund's portfolio to be consistent with the list of the Reference Index in terms of structure and asset weight.
 - The fund will aim to have results similar to the benchmark index and not implement a defensive strategy when the market is down and not realize profits when the market is overvalued. Passive investing aims to minimize costs and simulate the benchmark index closer by maintaining a lower investment capital turnover ratio than funds using active investment strategies.
- e. Describe the difference in the fund's portfolio structure at the time of reporting, compared to the fund's portfolio in the year immediately preceding the reporting year:

| Sector | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|------------------------|----------------|------------|
| Finance | 38.75% | - |
| Consumer Staples | 22.61% | - |
| Industry | 14.45% | - |
| Real Estate | 7.96% | - |
| Information Technology | 16.26% | - |
| Total | 100,00% | - |

- f. Analysis of the fund's performance is based on a comparison of the net asset value per unit of the fund (after adjusting for the distributed profit, if any) in this reporting period compared to the most recent reporting period:

| Net Asset Value (VND) | 31/12/2024 | 31/12/2023 |
|------------------------|-----------------|------------|
| 1. Of the Fund | 106.810.124.145 | - |
| 2. Per ETF lot | 1,256,589,695 | - |
| 3. Per ETF certificate | 12,565.89 | - |

The value of an ETF certificate on December 31, 2024 increased by 23.51% compared to the time of the last report on December 31, 2023, of which the VNDIAMOND index increased by 24.33% compared to December 31, 2023

- g. Information on the division and separation of fund units in the period and the effect of the separation of fund units and the net asset value per fund unit:

During the reporting period, there were no occurrences.

- h. Cases affecting the interests of investors holding fund certificates: none
- i. Information about transactions with related interests (if any): none
- j. Other information: none

4. Report on supervisory activities of supervisory banks

The supervisory bank must give opinions on the compliance with the provisions of law, the fund's charter and the prospectus of the fund management company in the course of operation and management of the fund with respect to the following contents:

- a. Explanation of the change of supervisory bank (if any):
- b. From January 1, 2024 to December 31, 2024, the Fund will not change the Supervisory Bank. The custody of assets of the fund:
 - From January 1, 2024 to December 31, 2024, the Fund has deposited assets in accordance with current laws.
- c. The investment complies with restrictions on investment and borrowing in accordance with law, the fund's charter and prospectus:
 - In the process of supervising the Fund's investment activities and asset transactions for the period from 01/01/2024 to 31/12/2024, the Fund has complied with the limits on investment limits specified in current securities legal documents on open-ended funds, the Fund's Charter, etc The Fund's prospectus and relevant legal documents.
 - From 01/01/2024 to 31/12/2024, the Fund has no borrowing and lending contracts.
- d. The determination of the net asset value of the Fund has complied with the provisions of law, the Fund's Charter, prospectus and relevant legal documents.
- e. The additional issuance of fund certificates and the redemption of fund certificates shall comply with the provisions of law, the fund's charter and prospectus:
 - From January 1, 2024 to December 31, 2024, the Fund will issue 1 additional lot, buy back 36 lots
- f. The distribution of profits of the fund is in accordance with the investment objectives of the fund:
 - From January 1, 2024 to December 31, 2024, the Fund will not distribute profits to investors.

5. Reporting on authorization activity

- a. Payable expenses to the authorized party compared to profits, incomes, total operating expenses of the fund:

| Indicator | Ratio to profit/(loss) | Ratio to Total Operating Costs | Ratio to income |
|-----------|------------------------|--------------------------------|-----------------|
|-----------|------------------------|--------------------------------|-----------------|

| | | | |
|----------------------------------|-------|--------|--------|
| Fund Administration Service Cost | 1,24% | 10,02% | 10,68% |
| Transfer Agent Service Cost | 0,34% | 2,75% | 2,93% |

- b. Effects (if any) of authorization activities on profits and risk levels of the Fund: Only increase costs but not significantly, minimizing the level of risk affecting the Fund's operations.
- c. The total cost of authorization activities payable to the authorized party (in case the authorized party provides many services to the fund management company);

| No. | Indicator | Amount (VND) |
|-----|----------------------------------|--------------------|
| 1 | Fund Administration Service Cost | 165.000.000 |
| 2 | Transfer Agent Service Cost | 45.283.334 |
| | Total | 210.283.334 |

- d. Evaluation of the ability to maintain the internal control system, risk management, security, physical and technical infrastructure, hot backup system, disaster backup system, etc. of the authorized party, ensuring that the authorization activities are carried out smoothly, without affecting the investor's investment activities: Good.

GENERAL DIRECTOR
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

(Signed, full name and sealed)



YUN HANG JIN



